Số: 281/BVĐKBP-TCKT
Thời gian ký: 29/04/2026 14:35:14 +07:00

SỞ Y TẾ TỈNH ĐỒNG NAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ KHÁM, CHỮA BỆNH THEO YÊU CẦU

(Kèm theo Công văn số 281 ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Bình Phước

Đơn vị tính: đồng

Stt	Tên hàng hóa dịch vụ	Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này (giá thu thêm ngoài giá theo nghị quyết hiện hành của HĐND tỉnh Đồng Nai)	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/ giảm so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
I	**DỊCH VỤ KỸ THUẬT, XÉT NGHIỆM THEO YÊU CẦU**									
1	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.603.000	15/4/2026			
2	Thăm dò, khâu vết thương củng mạc	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			2.472.000	15/4/2026			
3	Khâu củng mạc	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			2.472.000	15/4/2026			
4	Khâu giác mạc [đơn thuần]	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			2.578.000	15/4/2026			
5	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.984.000	15/4/2026			
6	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.757.000	15/4/2026			
7	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học [gây mê]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.950.000	15/4/2026			
8	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học [gây tê]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.727.000	15/4/2026			
9	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.867.000	15/4/2026			
10	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây mê]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.216.000	15/4/2026			
11	Phẫu thuật quặm [2 mi - gây tê]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.925.000	15/4/2026			

12	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây tê]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.773.000	15/4/2026			
13	Phẫu thuật quặm [3 mi - gây mê]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.020.000	15/4/2026			
14	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây mê]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.107.000	15/4/2026			
15	Phẫu thuật quặm [4 mi - gây tê]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.847.000	15/4/2026			
16	Cắt u kết mạc có hoặc không u giác mạc không ghép	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.728.000	15/4/2026			
17	Lấy dị vật hốc mắt	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.774.000	15/4/2026			
18	Phẫu thuật mộng đơn thuần	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.000.000	15/4/2026			
19	Cắt bỏ túi lệ	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.620.000	15/4/2026			
20	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.587.000	15/4/2026			
21	Bơm hơi /khí tiền phòng	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.587.000	15/4/2026			
22	Khâu phục hồi bờ mi	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.582.000	15/4/2026			
23	Khâu phủ kết mạc	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.587.000	15/4/2026			
24	Khâu kết mạc [gây tê]	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.296.000	15/4/2026			
25	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.539.000	15/4/2026			
26	Cắt u da mi không ghép	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.267.700	15/4/2026			
27	Trích mủ mắt	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.281.000	15/4/2026			
28	Khâu cò mi, tháo cò	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.297.000	15/4/2026			
29	Cấp cứu bỏng mắt ban đầu	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			590.000	15/4/2026			
30	Siêu âm bán phần trước	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			563.000	15/4/2026			
31	Rạch áp xe mi	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			550.000	15/4/2026			
32	Rạch áp xe túi lệ	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			550.000	15/4/2026			
33	Bơm thông lệ đạo	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			555.000	15/4/2026			
34	Cắt bỏ chắp có bọc	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			500.000	15/4/2026			
35	Lấy dị vật kết mạc	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			345.000	15/4/2026			
36	Đo công suất thể thuỷ tinh nhân tạo bằng siêu âm	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			310.000	15/4/2026			
37	Soi đáy mắt trực tiếp	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			335.000	15/4/2026			
38	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			305.000	15/4/2026			
39	Soi đáy mắt bằng Schepens	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			305.000	15/4/2026			
40	Soi góc tiền phòng	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			320.000	15/4/2026			
41	Tiêm dưới kết mạc	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			335.000	15/4/2026			

42	Tiêm cạnh nhãn cầu	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			335.000	15/4/2026			
43	Tiêm hậu nhãn cầu	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			335.000	15/4/2026			
44	Đốt lông xiêu, nhổ lông siêu	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			321.000	15/4/2026			
45	Rửa cùng đồ	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			342.000	15/4/2026			
46	Bơm rửa lệ đạo	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			338.000	15/4/2026			
47	Cắt chỉ khâu giác mạc	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			320.000	15/4/2026			
48	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			302.000	15/4/2026			
49	Bóc sợi giác mạc	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			218.000	15/4/2026			
50	Bóc giả mạc	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			218.000	15/4/2026			
51	Đo khúc xạ giác mạc	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			198.000	15/4/2026			
52	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			220.000	15/4/2026			
53	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			182.000	15/4/2026			
54	Cắt chỉ khâu kết mạc	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			182.000	15/4/2026			
55	Cắt thùy gan trái	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			5.277.000	15/4/2026			
56	Cắt hạ phân thùy 2	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			5.277.000	15/4/2026			
57	Cắt hạ phân thùy 3	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			5.277.000	15/4/2026			
58	Cắt hạ phân thùy 5	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			5.277.000	15/4/2026			
59	Cắt hạ phân thùy 6	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			5.277.000	15/4/2026			
60	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.300.000	15/4/2026			
61	Cầm máu nhu mô gan	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.206.000	15/4/2026			
62	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.206.000	15/4/2026			
63	Lấy máu tụ bao gan	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.206.000	15/4/2026			
64	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.141.000	15/4/2026			
65	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.141.000	15/4/2026			
66	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.987.000	15/4/2026			
67	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.987.000	15/4/2026			
68	Thương tích bàn tay phức tạp	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.987.000	15/4/2026			
69	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.251.000	15/4/2026			
70	Bóc phúc mạc douglas	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.967.000	15/4/2026			
71	Lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.967.000	15/4/2026			

72	Bóc phúc mạc bên trái	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.967.000	15/4/2026			
73	Bóc phúc mạc bên phải	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.967.000	15/4/2026			
74	Phẫu thuật ghép xương tự thân	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.953.000	15/4/2026			
75	Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue)	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.951.000	15/4/2026			
76	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.908.000	15/4/2026			
77	Mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.908.000	15/4/2026			
78	Phẫu thuật giải phóng thần kinh ngoại biên	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.908.000	15/4/2026			
79	Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.904.000	15/4/2026			
80	Cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.898.000	15/4/2026			
81	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đưa 2 đầu ruột ra ngoài	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.898.000	15/4/2026			
82	Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.898.000	15/4/2026			
83	Cắt thận đơn thuần	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.819.000	15/4/2026			
84	Phẫu thuật vá da diện tích >10 cm²	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.818.000	15/4/2026			
85	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.051.000	15/4/2026			
86	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.775.000	15/4/2026			
87	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.775.000	15/4/2026			
88	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.693.000	15/4/2026			
89	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.693.000	15/4/2026			
90	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.693.000	15/4/2026			
91	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.693.000	15/4/2026			
92	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.693.000	15/4/2026			
93	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay (Gãy cổ xương quay)	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
94	Phẫu thuật kết hợp xương (kết hợp xương) gãy xương bả vai	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
95	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương bả vai	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
96	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
97	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệtTK quay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			
98	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay phức tạp	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			

99	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			
100	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu xương cánh tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
101	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
102	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay phức tạp	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
103	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
104	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
105	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới quơng quay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
106	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân đốt bàn và ngón tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
107	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cánh chậu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
108	Phẫu thuật kết hợp xương gãy khung chậu - trật khớp mu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
109	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ổ cối đơn thuần	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
110	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bán phần chỏm xương đùi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			
111	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương đùi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
112	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ mấu chuyển xương đùi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			
113	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên mấu chuyển xương đùi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
114	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			
115	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương đùi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			
116	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương đùi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
117	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu trong xương đùi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
118	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên và liên lồi cầu xương đùi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			
119	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi phức tạp	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			
120	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày trong	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
121	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày ngoài	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
122	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương chày	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			
123	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng chân	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
124	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương mác đơn thuần	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
125	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
126	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
127	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I hai xương cẳng chân	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.335.000	15/4/2026			
128	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II hai xương cẳng chân	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			

129	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III hai xương cẳng chân	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
130	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở I thân hai xương cẳng tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
131	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở II thân hai xương cẳng tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
132	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở III thân hai xương cẳng tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
133	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I thân xương cánh tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
134	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II thân xương cánh tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
135	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III thân xương cánh tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
136	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn ngón tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
137	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp xương khớp ngón tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
138	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
139	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
140	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.878.000	15/4/2026			
141	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
142	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
143	Gãy thân xương cánh tay phẫu thuật phương pháp METAIZEUM	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
144	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.620.000	15/4/2026			
145	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
146	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			
147	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			
148	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.501.000	15/4/2026			
149	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.168.000	15/4/2026			
150	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.585.000	15/4/2026			
151	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.585.000	15/4/2026			
152	Phẫu thuật đóng cứng khớp khác	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.585.000	15/4/2026			
153	Phẫu thuật chuyển da, cơ che phủ	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.492.000	15/4/2026			
154	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần [thay khớp]	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.835.000	15/4/2026			
155	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.450.000	15/4/2026			
156	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.422.000	15/4/2026			
157	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.396.000	15/4/2026			

158	Khâu vết thương lách	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.396.000	15/4/2026			
159	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.396.000	15/4/2026			
160	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.396.000	15/4/2026			
161	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.396.000	15/4/2026			
162	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.396.000	15/4/2026			
163	Cố đinh ngoại vi trong điều trị gãy hở chi trên	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.388.000	15/4/2026			
164	Cố đinh ngoại vi trong điều trị gãy hở chi dưới	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.388.000	15/4/2026			
165	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.352.000	15/4/2026			
166	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.352.000	15/4/2026			
167	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.352.000	15/4/2026			
168	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.352.000	15/4/2026			
169	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.352.000	15/4/2026			
170	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.352.000	15/4/2026			
171	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.239.000	15/4/2026			
172	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.352.300	15/4/2026			
173	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.352.300	15/4/2026			
174	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achille	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.352.300	15/4/2026			
175	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.327.000	15/4/2026			
176	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.327.000	15/4/2026			
177	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.300.000	15/4/2026			
178	Phẫu thuật tháo khớp vai	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.255.000	15/4/2026			
179	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.255.000	15/4/2026			
180	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.224.000	15/4/2026			
181	Lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.224.000	15/4/2026			
182	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.190.000	15/4/2026			
183	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.190.000	15/4/2026			
184	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.190.000	15/4/2026			
185	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.690.000	15/4/2026			
186	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu…)	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.150.000	15/4/2026			
187	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,…)	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.583.000	15/4/2026			

188	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.341.000	15/4/2026			
189	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.082.000	15/4/2026			
190	Cắt bỏ tinh hoàn	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.082.000	15/4/2026			
191	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.692.000	15/4/2026			
192	Phẫu thuật cắt u thành bụng	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.050.000	15/4/2026			
193	Phẫu thuật vết thương bàn tay	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.050.000	15/4/2026			
194	Phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.010.000	15/4/2026			
195	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			2.958.000	15/4/2026			
196	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.011.000	15/4/2026			
197	Dẫn lưu đài bể thận qua da	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			2.569.000	15/4/2026			
198	Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng chu kỳ	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			4.572.000	15/4/2026			
199	Phẫu thuật viêm xương sọ	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.450.000	15/4/2026			
200	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.752.000	15/4/2026			
201	Phẫu thuật lấy màu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.308.000	15/4/2026			
202	kết hợp xương qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.243.000	15/4/2026			
203	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.153.000	15/4/2026			
204	Cắt mạc nối lớn	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.132.000	15/4/2026			
205	Cắt bỏ u mạc nối lớn	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.132.000	15/4/2026			
206	Cắt túi mật	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.083.000	15/4/2026			
207	Lấy sỏi san hô thận	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.451.000	15/4/2026			
208	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.942.000	15/4/2026			
209	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.451.000	15/4/2026			
210	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.451.000	15/4/2026			
211	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.194.000	15/4/2026			
212	Lấy sỏi bàng quang	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.451.000	15/4/2026			
213	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ròng rọc xương cánh tay	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.335.000	15/4/2026			
214	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.335.000	15/4/2026			
215	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.860.000	15/4/2026			

216	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.335.000	15/4/2026			
217	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cổ xương cánh tay	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.860.000	15/4/2026			
218	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.860.000	15/4/2026			
219	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đài quay	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.335.000	15/4/2026			
220	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.413.000	15/4/2026			
221	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.335.000	15/4/2026			
222	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp đầu dưới xương quay	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.335.000	15/4/2026			
223	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.038.000	15/4/2026			
224	Phẫu thuật cắt cụt chi	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.038.000	15/4/2026			
225	Phẫu thuật tháo khớp chi	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.750.000	15/4/2026			
226	Mở dạ dày xử lý tổn thương	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.750.000	15/4/2026			
227	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.750.000	15/4/2026			
228	Lấy dị vật trực tràng	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.750.000	15/4/2026			
229	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.442.000	15/4/2026			
230	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.726.000	15/4/2026			
231	Mở ngực thăm dò	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.617.000	15/4/2026			
232	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.590.000	15/4/2026			
233	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.590.000	15/4/2026			
234	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.590.000	15/4/2026			
235	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			4.085.000	15/4/2026			
236	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.590.000	15/4/2026			
237	Phẫu thuật chỉnh hình bàn chân khoèo theo phương pháp PONESETI	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.555.000	15/4/2026			
238	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.520.000	15/4/2026			
239	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.520.000	15/4/2026			

240	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.059.000	15/4/2026			
241	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.520.000	15/4/2026			
242	Phẫu thuật nối gân duỗi/kéo dài gân(1 gân)	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.073.000	15/4/2026			
243	Phẫu thuật nối gân gấp/kéo dài gân (1 gân)	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.073.000	15/4/2026			
244	Phẫu thuật làm mỏm cụt ngón và đốt bàn ngón	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.047.000	15/4/2026			
245	Cụt chấn thương cổ và bàn chân	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.494.000	15/4/2026			
246	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.381.000	15/4/2026			
247	Phẫu thuật sửa mỏm cụt chi	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.494.000	15/4/2026			
248	Phẫu thuật sửa mỏm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.494.000	15/4/2026			
249	Phẫu thuật viêm xương	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.494.000	15/4/2026			
250	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm^2	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.630.000	15/4/2026			
251	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.422.000	15/4/2026			
252	Phẫu thuật vết thương khớp	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.004.000	15/4/2026			
253	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.358.000	15/4/2026			
254	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.358.000	15/4/2026			
255	Phẫu thuật chích, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.420.000	15/4/2026			
256	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.420.000	15/4/2026			
257	Điều trị nứt kẽ hậu môn bằng cắt cơ tròn trong (vị trí 3h và 9h)	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.357.000	15/4/2026			
258	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.357.000	15/4/2026			
259	Các phẫu thuật ruột thừa khác	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.357.000	15/4/2026			
260	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.545.000	15/4/2026			
261	Tháo lồng ruột non	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.320.000	15/4/2026			
262	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.318.000	15/4/2026			
263	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.318.000	15/4/2026			
264	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.318.000	15/4/2026			
265	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.313.000	15/4/2026			
266	Làm hậu môn nhân tạo	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.923.000	15/4/2026			
267	Phẫu thuật Longo	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			4.585.000	15/4/2026			
268	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.254.000	15/4/2026			

269	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.254.000	15/4/2026			
270	Mở thông túi mật	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.217.000	15/4/2026			
271	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.217.000	15/4/2026			
272	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.059.000	15/4/2026			
273	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.059.000	15/4/2026			
274	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.059.000	15/4/2026			
275	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.059.000	15/4/2026			
276	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.662.000	15/4/2026			
277	Phẫu thuật rút nẹp, dụng cụ kết hợp xương	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.038.000	15/4/2026			
278	Thắt tĩnh mạch tinh trên bụng	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.955.000	15/4/2026			
279	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			2.289.000	15/4/2026			
280	Mở thông dạ dày	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			2.567.000	15/4/2026			
281	Mở bụng thăm dò	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.957.000	15/4/2026			
282	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.565.000	15/4/2026			
283	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			2.062.000	15/4/2026			
284	Cắt hẹp bao quy đầu	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			2.062.000	15/4/2026			
285	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.565.000	15/4/2026			
286	Cắt hạ phân thùy 1	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			5.897.000	15/4/2026			
287	Cắt hạ phân thùy 4	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			5.897.000	15/4/2026			
288	Cắt hạ phân thùy 7	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			5.897.000	15/4/2026			
289	Cắt hạ phân thùy 8	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			5.897.000	15/4/2026			
290	Cắt hạ phân thùy 9	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			5.897.000	15/4/2026			
291	Phẫu thuật vá màng cứng hoặc tạo hình màng cứng	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			5.011.000	15/4/2026			
292	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp háng	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			5.912.000	15/4/2026			
293	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			5.579.000	15/4/2026			
294	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh tay	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			5.416.000	15/4/2026			
295	Phẫu thuật giải ép cắt bỏ dây chằng vàng	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			4.528.000	15/4/2026			
296	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp khớp khuỷu	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			4.790.000	15/4/2026			
297	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương đùi	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			4.240.000	15/4/2026			

298	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân xương chày	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			4.788.000	15/4/2026			
299	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			4.788.000	15/4/2026			
300	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			4.788.000	15/4/2026			
301	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn thương	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			3.630.000	15/4/2026			
302	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			1.583.000	15/4/2026			
303	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			670.000	15/4/2026			
304	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			1.034.000	15/4/2026			
305	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			1.017.000	15/4/2026			
306	Nắn, bó bột cột sống [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			720.000	15/4/2026			
307	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			720.000	15/4/2026			
308	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			670.000	15/4/2026			
309	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			624.000	15/4/2026			
310	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			624.000	15/4/2026			
311	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			597.000	15/4/2026			
312	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			750.000	15/4/2026			
313	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			750.000	15/4/2026			
314	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			750.000	15/4/2026			
315	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			597.000	15/4/2026			
316	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			737.000	15/4/2026			
317	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			695.000	15/4/2026			
318	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			737.000	15/4/2026			
319	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			734.000	15/4/2026			
320	Nắn, bó bột gãy mâm chày [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			767.000	15/4/2026			
321	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			767.000	15/4/2026			
322	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			767.000	15/4/2026			
323	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			767.000	15/4/2026			
324	Nắn, bó bột gãy Dupuptren [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			575.000	15/4/2026			

325	Nắn, bó bột trật khớp vai [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			587.000	15/4/2026			
326	Nắn, bó bột trật khớp háng [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			760.000	15/4/2026			
327	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			564.000	15/4/2026			
328	Nắn, bó bột gãy xương chày [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			767.000	15/4/2026			
329	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân [bột liền]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			550.000	15/4/2026			
330	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			530.000	15/4/2026			
331	Nắn, bó bột gãy xương gót	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			650.000	15/4/2026			
332	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay [bột liền]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			380.000	15/4/2026			
333	Nắn, bó bột gãy xương chậu [bột liền]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			545.000	15/4/2026			
334	Nắn, bó bột gãy xương đòn [bột liền]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			420.533	15/4/2026			
335	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn [bột liền]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			434.000	15/4/2026			
336	Nắm, cố định trật khớp hàm [bột liền]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			449.000	15/4/2026			
337	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0 [bột liền]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			422.000	15/4/2026			
338	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn [bột liền]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			413.900	15/4/2026			
339	Nắn, bó bột trật khớp gối [bột liền]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			389.000	15/4/2026			
340	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân [bột liền]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			389.000	15/4/2026			
341	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann [bột liền]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			375.000	15/4/2026			
342	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles [bột liền]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			549.000	15/4/2026			
343	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân [bột liền]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			449.000	15/4/2026			
344	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			566.000	15/4/2026			
345	Dẫn lưu bàng quang bằng chọc trôca	Thủ thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			1.288.000	15/4/2026			
346	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	Thủ thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			1.181.500	15/4/2026			
347	Nội soi cầm máu bằng clip trong chảy máu đường tiêu hóa	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			673.000	15/4/2026			
348	Nội soi dạ dày thực quản cấp cứu chảy máu tiêu hóa cao để chẩn đoán và điều trị	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			673.000	15/4/2026			
349	Nội soi trực tràng - hậu môn thắt trĩ	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			361.000	15/4/2026			
350	Nội soi đại tràng sigma	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			280.000	15/4/2026			
351	Cắt cụt cổ tử cung	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.653.000	15/4/2026			
352	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.978.000	15/4/2026			

353	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.200.000	15/4/2026			
354	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.833.000	15/4/2026			
355	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			5.375.000	15/4/2026			
356	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.440.000	15/4/2026			
357	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.843.000	15/4/2026			
358	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch…)	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.987.000	15/4/2026			
359	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.329.000	15/4/2026			
360	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.444.000	15/4/2026			
361	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.209.000	15/4/2026			
362	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan,huyết học, nội tiết...)	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.043.000	15/4/2026			
363	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.776.000	15/4/2026			
364	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc tử cung	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.298.000	15/4/2026			
365	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp buồng tử cung	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.459.000	15/4/2026			
366	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.645.000	15/4/2026			
367	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.297.000	15/4/2026			
368	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.297.000	15/4/2026			
369	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.297.000	15/4/2026			
370	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.670.000	15/4/2026			
371	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.453.000	15/4/2026			
372	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			4.261.000	15/4/2026			
373	Bóc nang tuyến Bartholin	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.156.000	15/4/2026			
374	Cắt u thành âm đạo	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.490.000	15/4/2026			
375	Cắt u vú lành tính	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.648.000	15/4/2026			
376	Hút thai + triệt sản qua đường rạch nhỏ	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.666.500	15/4/2026			
377	Khâu tử cung do nạo thủng	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.809.000	15/4/2026			
378	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.667.000	15/4/2026			

379	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.576.000	15/4/2026			
380	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.159.000	15/4/2026			
381	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.586.000	15/4/2026			
382	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.550.000	15/4/2026			
383	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.213.000	15/4/2026			
384	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.675.000	15/4/2026			
385	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.620.000	15/4/2026			
386	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.802.000	15/4/2026			
387	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.667.000	15/4/2026			
388	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			2.031.000	15/4/2026			
389	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			2.342.000	15/4/2026			
390	Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.910.000	15/4/2026			
391	Trích áp xe tầng sinh môn	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.558.000	15/4/2026			
392	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			6.482.000	15/4/2026			
393	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			5.152.500	15/4/2026			
394	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Phẫu thuật loại đặc biệt	Đồng/lần			4.554.000	15/4/2026			
395	Bóc nhân xơ vú	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			960.000	15/4/2026			
396	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			845.000	15/4/2026			
397	Hút thai dưới siêu âm	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			705.000	15/4/2026			
398	Khâu vòng cổ tử cung	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			1.065.000	15/4/2026			
399	Lấy dị vật âm đạo	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			780.000	15/4/2026			
400	Nạo hút thai trứng	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			865.000	15/4/2026			
401	Nội xoay thai	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			1.022.000	15/4/2026			
402	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			740.000	15/4/2026			
403	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			765.000	15/4/2026			

404	Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			765.000	15/4/2026			
405	Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			827.000	15/4/2026			
406	Chọc dò màng bụng sơ sinh	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			490.000	15/4/2026			
407	Chọc dò túi cùng Douglas	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			463.000	15/4/2026			
408	Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			395.000	15/4/2026			
409	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			332.000	15/4/2026			
410	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			377.000	15/4/2026			
411	Trích áp xe tuyến Bartholin	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			587.000	15/4/2026			
412	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, pelvis floor)	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			270.000	15/4/2026			
413	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			237.000	15/4/2026			
414	Tập nuốt	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			145.000	15/4/2026			
415	Tập cho người thất ngôn	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			138.000	15/4/2026			
416	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			187.000	15/4/2026			
417	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			183.000	15/4/2026			
418	Tập đứng thăng bằng tĩnh và động	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			117.000	15/4/2026			
419	Tập vận động thụ động	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			120.000	15/4/2026			
420	Tập vận động có trợ giúp	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			157.000	15/4/2026			
421	Tập vận động có kháng trở	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			118.000	15/4/2026			
422	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			183.000	15/4/2026			
423	Kỹ thuật kéo giãn cho trẻ em bị vẹo cổ bẩm sinh	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			182.000	15/4/2026			
424	Kỹ thuật tập tay và bàn tay cho người bệnh liệt nửa người	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			181.000	15/4/2026			

425	Kỹ thuật xoa bóp vùng	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			180.000	15/4/2026			
426	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			127.000	15/4/2026			
427	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			180.000	15/4/2026			
428	Điều trị bằng Parafin	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			184.000	15/4/2026			
429	Điều trị bằng các dòng điện xung	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			94.000	15/4/2026			
430	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			175.000	15/4/2026			
431	Tập đi với chân giả trên gối	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			175.000	15/4/2026			
432	Tập đi với chân giả dưới gối	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			175.000	15/4/2026			
433	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.183.000	15/4/2026			
434	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.341.000	15/4/2026			
435	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây mê]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.651.000	15/4/2026			
436	Phẫu thuật nội soi cắt polyp mũi [gây tê]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.561.000	15/4/2026			
437	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.708.000	15/4/2026			
438	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây tê]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.860.000	15/4/2026			
439	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ [gây mê]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			3.378.000	15/4/2026			
440	Phẫu thuật cắt Amidan [dao điện]	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			2.531.000	15/4/2026			
441	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái tai [gây tê]	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.807.000	15/4/2026			
442	Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gây mê]	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			3.254.000	15/4/2026			
443	Nâng xương chính mũi sau chấn thương [gây tê]	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			3.254.000	15/4/2026			
444	Lấy sỏi ống tuyến Wharton đường miệng	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.868.000	15/4/2026			
445	Lấy sỏi ống tuyến Stenon đường miệng	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.380.000	15/4/2026			
446	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.388.000	15/4/2026			
447	Đặt ống thông khí màng nhĩ	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			2.346.000	15/4/2026			
448	Trích áp xe quanh Amidan	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			730.000	15/4/2026			
449	Nội soi thanh quản ống cứng chẩn đoán gây tê	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			593.000	15/4/2026			
450	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây mê]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			587.000	15/4/2026			

451	Nội soi hạ họng ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			592.000	15/4/2026			
452	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới [gây mê]	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			700.000	15/4/2026			
453	Đặt nội khí quản	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			610.000	15/4/2026			
454	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			1.052.000	15/4/2026			
455	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê [gây mê]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			636.000	15/4/2026			
456	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê [không gây mê]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			477.000	15/4/2026			
457	Nội soi hạ họng ống mềm chẩn đoán gây tê	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			386.000	15/4/2026			
458	Nội soi hạ họng ống cứng chẩn đoán gây tê	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			386.000	15/4/2026			
459	Nhét bấc mũi trước	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			330.000	15/4/2026			
460	Nhét bấc mũi sau	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			345.000	15/4/2026			
461	Lấy dị vật mũi [gây mê]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			513.000	15/4/2026			
462	Lấy dị vật hạ họng	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			212.000	15/4/2026			
463	Đốt họng hạt bằng nhiệt	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			405.000	15/4/2026			
464	Cắt phanh lưỡi [không gây mê]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			394.000	15/4/2026			
465	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu [1 bên]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			374.000	15/4/2026			
466	Cầm máu mũi bằng vật liệu cầm máu [2 bên]	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			374.000	15/4/2026			
467	Trích rạch màng nhĩ	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			249.000	15/4/2026			
468	Thay băng vết mổ [chiều dài ≤ 15cm]	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			432.000	15/4/2026			
469	Thay băng vết mổ [chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm]	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			234.000	15/4/2026			
470	Thay băng vết mổ [chiều dài từ 30cm đến 50cm nhiễm trùng]	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			261.000	15/4/2026			
471	Thay băng vết mổ [chiều dài > 50cm nhiễm trùng]	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			278.000	15/4/2026			
472	Thay băng vết mổ [chiều dài trên 15cm đến 30 cm]	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			154.000	15/4/2026			
473	Phương pháp Proetz	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			124.000	15/4/2026			
474	Làm thuốc tai	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			151.000	15/4/2026			
475	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			230.000	15/4/2026			
476	Bơm thuốc thanh quản	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			202.000	15/4/2026			
477	Phẫu thuật tháo nẹp, vít	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.260.000	15/4/2026			
478	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng chỉ thép	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.253.000	15/4/2026			
479	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.253.000	15/4/2026			
480	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.253.000	15/4/2026			

481	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng chỉ thép	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.253.000	15/4/2026			
482	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.253.000	15/4/2026			
483	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.253.000	15/4/2026			
484	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng chỉ thép	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.253.000	15/4/2026			
485	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.253.000	15/4/2026			
486	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.220.000	15/4/2026			
487	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.220.000	15/4/2026			
488	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.220.000	15/4/2026			
489	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gây mê hoặc gây tê)	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.220.000	15/4/2026			
490	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.112.000	15/4/2026			
491	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.112.000	15/4/2026			
492	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.112.000	15/4/2026			
493	Điều trị gãy xương hàm dưới băng buộc nút Ivy cố định 2 hàm	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.112.000	15/4/2026			
494	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.033.000	15/4/2026			
495	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.033.000	15/4/2026			
496	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.033.000	15/4/2026			
497	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.033.000	15/4/2026			
498	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.033.000	15/4/2026			
499	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Phẫu thuật loại 1	Đồng/lần			3.033.000	15/4/2026			
500	Phẫu thuật vạt điều trị túi quanh răng	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.762.700	15/4/2026			
501	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.579.000	15/4/2026			
502	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch có cắt thân chia chân răng	Phẫu thuật loại 2	Đồng/lần			1.579.000	15/4/2026			
503	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.256.000	15/4/2026			
504	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.256.000	15/4/2026			
505	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.256.000	15/4/2026			

506	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.256.000	15/4/2026			
507	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.256.000	15/4/2026			
508	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguộicó sử dụng trâm xoay cầm tay	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.256.000	15/4/2026			
509	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.256.000	15/4/2026			
510	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nóng chảy có sử dụng trâm xoay máy	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.256.000	15/4/2026			
511	Điều trị đóng cuống răng bằng Canxi Hydroxit	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.210.500	15/4/2026			
512	Nhổ răng vĩnh viễn	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.126.000	15/4/2026			
513	Phẫu thuật nạo túi lợi	Phẫu thuật loại 3	Đồng/lần			1.076.000	15/4/2026			
514	Điều trị tủy răng sữa	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			572.000	15/4/2026			
515	Điều trị tủy răng sữa	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			572.000	15/4/2026			
516	Trám bít hố rãnh với GlassIonomer Cement quang trùng hợp	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			555.000	15/4/2026			
517	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			555.000	15/4/2026			
518	Nhổ răng thừa	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			550.000	15/4/2026			
519	Nhổ chân răng vĩnh viễn	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			550.000	15/4/2026			
520	Lấy cao răng	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			530.000	15/4/2026			
521	Lấy cao răng	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			530.000	15/4/2026			
522	Điều trị răng sữa sâu ngà phục hồi băng GlassIonomer Cement	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			510.000	15/4/2026			
523	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Thủ thuật loại 1	Đồng/lần			510.000	15/4/2026			
524	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			383.000	15/4/2026			
525	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			412.000	15/4/2026			
526	Chụp tủy bằng MTA	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			391.000	15/4/2026			
527	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Composite	Thủ thuật loại 2	Đồng/lần			382.000	15/4/2026			
528	Chụp tủy bằng Hydroxit canxi	Thủ thuật loại 3	Đồng/lần			286.000	15/4/2026			
529	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ;Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động		Đồng/lần			47.000	15/4/2026			

530	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (tên khác: TCK) bằng máy tự động		Đồng/lần			36.000	15/4/2026			
531	Thời gian máu chảy phương pháp Duke		Đồng/lần			12.000	15/4/2026			
532	Định lượng vitamin B12		Đồng/lần			70.000	15/4/2026			
533	Định lượng sắt huyết thanh		Đồng/lần			25.000	15/4/2026			
534	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)		Đồng/lần			29.000	15/4/2026			
535	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)		Đồng/lần			30.000	15/4/2026			
536	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)		Đồng/lần			18.000	15/4/2026			
537	Xét nghiệm tế bào cặn nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)		Đồng/lần			28.000	15/4/2026			
538	Cặn Addis		Đồng/lần			33.000	15/4/2026			
539	Định lượng Acid Uric [Máu]		Đồng/lần			22.000	15/4/2026			
540	Định lượng Albumin [Máu]		Đồng/lần			22.000	15/4/2026			
541	Định lượng Amoniac (NH3) [Máu]		Đồng/lần			55.000	15/4/2026			
542	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]		Đồng/lần			59.000	15/4/2026			
543	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]		Đồng/lần			19.000	15/4/2026			
544	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]		Đồng/lần			19.000	15/4/2026			
545	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]		Đồng/lần			72.000	15/4/2026			
546	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]		Đồng/lần			19.000	15/4/2026			
547	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]		Đồng/lần			19.000	15/4/2026			
548	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]		Đồng/lần			71.000	15/4/2026			
549	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]		Đồng/lần			107.000	15/4/2026			
550	Định lượng Calcitonin [Máu]		Đồng/lần			107.000	15/4/2026			
551	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]		Đồng/lần			70.000	15/4/2026			
552	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)		Đồng/lần			21.000	15/4/2026			
553	Định lượng Cortisol (máu)		Đồng/lần			118.000	15/4/2026			
554	Định lượng Creatinin (máu)		Đồng/lần			21.000	15/4/2026			
555	Định lượng D-Dimer [Máu]		Đồng/lần			199.000	15/4/2026			
556	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]		Đồng/lần			27.000	15/4/2026			
557	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]		Đồng/lần			40.000	15/4/2026			

558	Định lượng Ferritin [Máu]		Đồng/lần			70.000	15/4/2026			
559	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]		Đồng/lần			65.000	15/4/2026			
560	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]		Đồng/lần			58.000	15/4/2026			
561	Định lượng Glucose [Máu]		Đồng/lần			21.000	15/4/2026			
562	Đo hoạt độ GGT (Gama Glutamyl Transferase) [Máu]		Đồng/lần			18.000	15/4/2026			
563	Định lượng HbA1c [Máu]		Đồng/lần			71.000	15/4/2026			
564	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]		Đồng/lần			21.000	15/4/2026			
565	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]		Đồng/lần			64.000	15/4/2026			
566	Đo hoạt độ Lipase [Máu]		Đồng/lần			47.000	15/4/2026			
567	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [Máu]		Đồng/lần			21.000	15/4/2026			
568	Định lượng Mg [Máu]		Đồng/lần			25.000	15/4/2026			
569	Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu]		Đồng/lần			58.000	15/4/2026			
570	Định lượng Prolactin [Máu]		Đồng/lần			279.000	15/4/2026			
571	Định lượng Protein toàn phần [Máu]		Đồng/lần			21.000	15/4/2026			
572	Định lượng RF (Rheumatoid Factor) [Máu]		Đồng/lần			33.000	15/4/2026			
573	Định lượng Transferrin [Máu]		Đồng/lần			54.000	15/4/2026			
574	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]		Đồng/lần			21.000	15/4/2026			
575	Định lượng Troponin I [Máu]		Đồng/lần			67.000	15/4/2026			
576	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]		Đồng/lần			67.000	15/4/2026			
577	Định lượng Urê máu [Máu]		Đồng/lần			21.000	15/4/2026			
578	Điện giải (Na, K, Cl) [niệu]		Đồng/lần			29.000	15/4/2026			
579	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]		Đồng/lần			31.000	15/4/2026			
580	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]		Đồng/lần			54.000	15/4/2026			
581	Tổng phân tích nước tiểu (Bằng máy tự động)		Đồng/lần			25.000	15/4/2026			
582	Vi khuẩn nhuộm soi		Đồng/lần			91.000	15/4/2026			
583	Streptococcus pyogenes ASO		Đồng/lần			35.000	15/4/2026			
584	HBsAg test nhanh		Đồng/lần			31.000	15/4/2026			
585	HBsAg định lượng		Đồng/lần			40.000	15/4/2026			
586	HBeAb test nhanh		Đồng/lần			284.000	15/4/2026			
587	HCV Ab test nhanh		Đồng/lần			64.000	15/4/2026			

588	HIV Ab test nhanh		Đồng/lần			39.000	15/4/2026			
589	Rubella virus IgM miễn dịch tự động		Đồng/lần			47.000	15/4/2026			
590	Rubella virus IgG miễn dịch tự động		Đồng/lần			104.000	15/4/2026			
591	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi		Đồng/lần			41.000	15/4/2026			
592	Hồng cầu trong phân test nhanh		Đồng/lần			30.000	15/4/2026			
II	**DỊCH VỤ NGÀY GIƯỜNG THEO YÊU CẦU**									
*	**Phòng loại 2 giường bệnh Nội khoa**									
593	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	Loại 1	đồng/giường/ngày			550.000	15/4/2026			Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở, khí y tế, tiền thuốc và các dịch vụ kỹ thuật y tế.
594	Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	Loại 2	đồng/giường/ngày			560.000	15/4/2026			
*	**Phòng loại 2 giường bệnh ngoại khoa**		đồng/giường/ngày							
595	Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	Loại 1	đồng/giường/ngày			520.000	15/4/2026			
596	Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	Loại 2	đồng/giường/ngày			540.000	15/4/2026			
597	Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	Loại 3	đồng/giường/ngày			550.000	15/4/2026			
598	Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	Loại 4	đồng/giường/ngày			560.000	15/4/2026			
	Phòng loại 3 giường bệnh Nội khoa		đồng/giường/ngày							
599	Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Nhi, Tiêu hoá, Thận học; Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson/ Lyell)	Loại 1	đồng/giường/ngày			360.000	15/4/2026			
600	Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT/ PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	Loại 2	đồng/giường/ngày			380.000	15/4/2026			

	Phòng loại 3 giường bệnh ngoại khoa		đồng/giường/ngày							
601	Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	Loại 1	đồng/giường/ngày			340.000	15/4/2026			
602	Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	Loại 2	đồng/giường/ngày			350.000	15/4/2026			
603	Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	Loại 3	đồng/giường/ngày			360.000	15/4/2026			
604	Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	Loại 4	đồng/giường/ngày			370.000	15/4/2026			
III	**DỊCH VỤ KHÁM BỆNH THEO YÊU CẦU**									
605	Dịch vụ khám bệnh theo yêu cầu		Người/lần			115.000	15/4/2026			
IV	**DỊCH VỤ KHÁM SỨC KHỎE THEO YÊU CẦU (Hợp đồng với các cơ quan, đơn vị, tổ chức,...)**									
606	Dịch vụ khám các chuyên khoa: Mức thu 45.000 đồng/người/chuyên khoa						15/4/2026			
607	Dịch vụ kỹ thuật và xét nghiệm: Mức thu bằng giá theo quy định của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Nai hiện hành, Nghị quyết số 58/HĐND ngày 10/12/2025						15/4/2026			